TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 264/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 07 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 310/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm: xxxx

Nơi thường trú: thôn Đ, xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở hiện tại: thôn D, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: anh Trần Ngọc V, sinh năm: xxxx

Nơi cư trú: tổ B, khu Đ1 phường C tỉnh Quảng Ninh (nay là khu phố M, phường C, thành phố Quảng Ninh).

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, thu và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc V cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc V có 01 con chung là Trần Ngọc K, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Khi ly hôn, anh Trần Ngọc V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con

chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng cho con chung mức 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản và vay, nợ chung: không có.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng cho con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000449 ngày 05/8/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Quảng Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Quảng Ninh;
- UBND phường Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thu Đông